**Các hướng dẫn hạch toán đối với Hàng xuất khẩu và Hàng tái nhập khẩu**

**1. Khi nhập khẩu vật tư, hàng hóa dùng vào hoạt động SXKD**

**1.1. Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế.**

*Kế toán phản ánh giá trị vật tư, hàng hóa nhập khẩu. Bao gồm tổng số tiền phải thanh toán cho người bán, thuế nhập khẩu phải nộp và các chi phí thu mua (Nếu có), ghi:*

**Nợ TK 152, 156, 211,…**

**Có TK 111, 112, 331**

**Có TK 3333 – Thuế xuất, nhập khẩu (*Chi tiết thuế NK)***

**Nợ TK 133 – Thuế GTGT được khấu trừ**

**Có TK 33312 - Thuế GTGT hàng nhập khẩu**

**1.2. Hàng hóa dịch vụ không chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp**

*- Kế toán phản ánh giá trị vật tư, hàng hóa nhập khẩu bao gồm cả thuế GTGT phải nộp của hàng hóa nhập khẩu:*

**Nợ TK 152, 156, 211,… - Giá mua có cả thuế GTGT**

**Có TK 111, 112, 331,…**

**Có TK 3333 - Thuế xuất, nhập khẩu (*Chi tiết thuế NK*)**

**Có TK 33312 - Thuế GTGT hàng nhập khẩu**

*- Khi nộp thuế nhập khẩu và thuế GTGT hàng nhập khẩu, kế toán ghi:*

**Nợ TK 3333 - Thuế xuất, nhập khẩu (*Chi tiết thuế NK*)**

**Nợ TK 33312 - Thuế GTGT hàng nhập khẩu**

**Có TK 111, 112,…**

**2. Trường hợp được hoàn thuế nhập khẩu**

**2.1. Đối với hàng nhập khẩu mà còn lưu kho, lưu bãi**

*Trường hợp được hoàn thuế nhập khẩu đã nộp đối với hàng nhập khẩu mà còn lưu kho, lưu bãi dưới sự kiểm soát của Hải quan, được phép tái xuất khẩu thì số thuế nhập khẩu được hoàn lại, ghi:*

**Nợ TK 3333 - Nếu trừ vào số phải nộp**

**Nợ TK 111, 112 - Nếu được hoàn lại bằng tiền**

**Có TK 152, 153, 156,…**

**2.2. Đối với hàng nhập khẩu ít hơn so với khai báo**

*Trường hợp được hoàn thuế nhập khẩu đối với hàng nhập khẩu đã nộp thuế nhập khẩu nhưng thực tế nhập khẩu ít hơn so với khai báo thì số thuế nhập khẩu đã nộp thừa được hoàn lại, ghi:*

**Nợ TK 3333 - Nếu trừ vào số phải nộp**

**Nợ TK 111, 112 - Nếu được hoàn lại bằng tiền**

**Có TK 152, 153, 156, 211,…**

**2.3. Trường hợp nhập khẩu nguyên liệu để sản xuất hàng xuất khẩu**

*Trường hợp nhập khẩu nguyên liệu để sản xuất hàng xuất khẩu thì được hoàn thuế tương ứng với tỷ lệ xuất khẩu thành phẩm. Khi nhận được thông báo thuế chính thức của cơ quan Hải quan về số thuế nhập khẩu phải nộp, ghi:*

**Nợ TK 152, 153, 156,…**

**Có TK 3333 - Thuế xuất khẩu, nhập khẩu**

**3. Một số lưu ý**

**3.1. Trong thời hạn quy định**

- Nếu Doanh nghiệp đã thực xuất số sản phẩm thì không phải nộp thuế nhập khẩu đối với số nguyên liệu đã nhập khẩu tương ứng với số sản phẩm đã thực xuất.

*- Nếu Doanh nghiệp chưa nộp thuế nhập khẩu thì số thuế nhập khẩu không phải nộp đối với số nguyên liệu đã nhập khẩu tương ứng với số sản phẩm đã thực xuất, ghi:*

**Nợ TK 3333 - Thuế xuất, nhập khẩu (*Chi tiết thuế NK*)**

**Có TK 632 - Giá vốn hàng bán**

**Có TK 711 -Thu nhập khác**

**3.2. Nếu ngoài thời hạn quy định**

*Mà Doanh nghiệp chưa thực xuất số sản phẩm hoặc chưa xuất khẩu hết số sản phẩm tương ứng phải xuất khẩu thì Doanh nghiệp phải nộp thuế nhập khẩu đối với số nguyên liệu tương ứng với số sản phẩm chưa xuất khẩu. Nếu số sản phẩm đã xuất khẩu hết thì Doanh nghiệp sẽ được hoàn thuế nhập khẩu đã nộp, ghi:*

**Nợ TK 111, 112 - Nếu nhận lại bằng tiền**

**Nợ TK 3333 - Nếu trừ vào số phải nộp**

**Có TK 632 - Giá vốn hàng bán**

**Có TK 711 - Thu nhập khác**

**4. Trường hợp được hoàn thuế nhập khẩu đối với hàng tạm nhập để tái xuất khẩu**

**4.1. Theo phương thức kinh doanh hàng tạm nhập tái xuất, ghi.**

**4.1.1. Khi tạm nhập khẩu**

*Phản ánh giá trị hàng nhập khẩu, số thuế nhập khẩu, thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp, ghi:*

**Nợ TK 152, 153, 156,…**

**Có TK 111, 112, 331**

**Có TK 3333 - Thuế xuất, nhập khẩu (*Chi tiết thuế NK*)**

**4.1.2. Khi tái xuất khẩu không phải nộp thuế xuất khẩu, ghi.**

*\* Phản ánh giá vốn hàng xuất khẩu, ghi:*

**Nợ TK 632 - Giá vốn hàng xuất khẩu**

**Có TK 152, 155, 156,…**

*\* Phản ánh doanh thu bán hàng, ghi:*

**Nợ TK 111, 112, 131,…**

**Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ +** *Khi được hoàn lại số thuế nhập khẩu, ghi:*

**Nợ TK 111, 112,…**

**Nợ TK 3333 - Nếu trừ vào số phải nộp**

**Có TK 632 - Giá vốn hàng bán**

**Có TK 711 - Thu nhập khác**

**4.2. Xuất trả lại chủ hàng hoặc tái xuất sang nước thứ ba**

***Trường hợp nhập khẩu hàng hóa vì lí do nào đó buộc phải xuất trả lại chủ hàng hoặc tái xuất sang nước thứ ba thì được xét hoàn thuế nhập khẩu đã nộp và không phải nộp thuế xuất khẩu.***

*\* Phản ánh giá trị hàng nhập khẩu xuất trả lại chủ hàng, ghi:*

**Nợ TK 331 - Phải trả người bán**

**Có TK 152,1 56, 211,…**

*\* Phản ánh số thuế nhập khẩu được hoàn lại, ghi:*

**Nợ TK 111, 112**

**Nợ TK 3333 - Nếu trừ vào số phải nộp kỳ sau**

**Có TK 152, 156, 211,… - Số thuế nhập khẩu đã nộp**

**5. Trường hợp đối tượng nộp thuế nhầm lẫn trong kê khai hàng hóa nhập khẩu (*Thực tế nhập khẩu ít hơn kê khai*)**

***Thì sẽ được hoàn trả số thuế nộp quá trong thời hạn một năm trở về trước kể từ ngày kiểm tra phát hiện.***

*Số thuế nộp qua được hoàn trả do nhầm lẫn trong kê khai, ghi:*

**Nợ TK 111, 112 - Nếu được hoàn lại bằng tiền**

**Nợ TK 3333 - Nếu trừ vào số phải nộp kỳ sau**

**Có TK 152, 156, 211,…**

**Có TK 632, 711**

*- Trường hợp đối tượng nộp thuế nhầm lẫn và gian lận trong kê khai hàng hoá nhập khẩu (Thực tế nhập khẩu nhiều hơn so với kê khai) thì bị truy thu tiền thuế nhập khẩu trong thời hạn một năm trở về trước kể từ ngày kiểm tra phát hiện. Số thuế nhập khẩu bị truy thu phải nộp, ghi:*

**Nợ TK 152, 156, 211,…**

**Có TK 3333 - Thuế xuất nhập khẩu (*Chi tiết thuế NK*)**

*- Trường hợp nhập khẩu hàng hóa thuộc đối tượng được miễn, giảm thuế nhập khẩu theo chế độ quy định, nhưng nếu sử dụng khác với mục đích được miễn giảm thì bị truy thu đủ số thuế được miễn giảm, ghi:*

**Nợ TK 152, 156, 211,…**

**Có TK 3333 - Thuế xuất nhập khẩu (*Chi tiết thuế NK*)**